

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-PT
Ngày 03 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2017/HSPT ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Tiêu Trung L (L). Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Bị cáo có kháng cáo:*** **Tiêu Trung L** (Tên gọi khác: L), sinh năm 1978 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; trình độ học vấn (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không, con ông Tiêu Trung Y, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1943; vợ là Bùi Thị D, sinh năm 1984; con ruột 01 người, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 13/7/2016 và cho tại ngoại đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Thế Luận và ông Nguyễn Duy Sơn, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Kao Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- ***Bị hại không kháng cáo:*** Ông **Ngô Kim Đ**, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số 4/62, ấp A, xã V, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- ***Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:*** Công ty C. Địa chỉ: Số 475, đường 23/8, Phường 8, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, chức vụ: Trưởng phòng KCS Công ty C (theo giấy ủy quyền số 10/UQ-TK ngày 04/7/2016), (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng do không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên tòa án không triệu tập gồm:

1. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

2. Ông **Lại Văn X**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khóm 2, Phường 8, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3. Ông **Sơn Kim H**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp Biển Tây B, xã V, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2011, bị cáo làm thuê tại Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty), địa chỉ: Số 475, đường 23/8, Khóm 3, Phường 8, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, với nhiệm vụ là nhân viên kiểm tra sản phẩm. Đến tháng 01/2013, bị cáo được chuyển sang Phòng kế toán làm nhiệm vụ thu tiền nợ của khách hàng. Công ty quy định mỗi lần thu tiền phải ghi biên nhận thể hiện việc giao, nhận tiền giữa khách hàng với bị cáo, đồng thời hàng tháng phải lập bảng đối chiếu với khách hàng để theo dõi và đối chiếu công nợ với Công ty định kỳ hàng tháng. Lợi dụng sự tin tưởng, thiếu kiểm tra của Công ty và khách hàng khi thu nợ, trong khoảng thời gian từ 01/2013 đến tháng 02/2015, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty, cụ thể:

- Đối với khách hàng ông Ngô Kim Đ, từ tháng 01/2013 đến tháng 02/2015, bị cáo thu mỗi lần với số tiền thấp nhất là 5.000.000 đồng, cao nhất 20.000.000 đồng, mỗi lần thu tiền bị cáo đều viết biên nhận nhận tiền giao cho ông Đ. Để chiếm đoạt tiền của Công ty, khi làm biên bản đối chiếu nợ giữa Công ty với ông Đ, bị cáo lập 02 bản đối chiếu công nợ, trong đó bản đối chiếu công nợ thứ nhất thể hiện đúng số tiền ông Đ nộp cho Công ty, còn bản đối chiếu công nợ thứ hai chỉ ghi số tiền ông Đ trả cho Công ty là 5.000.000 đồng. Vì tin tưởng nên ông Đ không xem lại nội dung mà ký vào các biên bản này, sau đó bị cáo giữ 02 bản đối chiếu công nợ, vứt bỏ tờ thứ nhất ghi số tiền thực tế thu, còn bản đối chiếu thứ hai ghi số tiền ít hơn nộp cho Công ty. Riêng ngày 02/12/2014, sau khi thu tiền nợ của ông Đ 20.000.000 đồng, bị cáo còn tự ký vào bản đối chiếu công nợ tên Ngô Kim T và nói dối với Công ty là chữ ký của con ông Đ để trùng khớp với sổ sách kế toán. Đến ngày 05/3/2015, bị cáo đã mượn lại tất cả các biên nhận tiền của ông Đ vứt bỏ để Công ty không phát hiện. Với thủ đoạn trên, bị cáo thu tiền của ông Đ là 435.000.000 đồng nhưng chỉ nộp về Công ty 155.000.000 đồng, chiếm đoạt 280.000.000 đồng.

- Đối với khách hàng bà Trần Thị N, từ tháng 3/2013 đến tháng 01/2015, bị cáo thu mỗi lần với số tiền thấp nhất là 1.000.000 đồng, cao nhất là 3.000.000 đồng và đều ký vào sổ theo dõi thu nợ của bà N. Sau khi thu tiền, bị cáo đã ký giả chữ ký và tên của bà N vào các bảng đối chiếu công nợ vào các ngày 24/02/2014; 24/3/2014 và 24/4/2014 với nội dung bà N nộp 1.000.000 đồng nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty. Với thủ đoạn trên, bị cáo thu của bà N tổng số tiền

24.000.000 đồng nhưng chỉ nộp về Công ty 13.000.000 đồng, chiếm đoạt 11.000.000 đồng.

- Đối với khách hàng ông Sơn Kim H, từ ngày 28/12/2013 đến ngày 03/6/2014, bị cáo thu tiền của ông H được 11.000.000 đồng. Do tiền nợ của ông H là nợ khó đòi (nợ xấu), Công ty không bắt buộc phải đối chiếu công nợ theo định kỳ nên sau khi thu tiền, bị cáo chỉ nộp về Công ty 3.000.000 đồng, chiếm đoạt 8.000.000 đồng.

- Đối với khách hàng ông Lại Văn X: Năm 2004, Công ty khởi kiện ông X tiền nợ mua thức ăn tôm và được Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố L) công nhận thỏa thuận buộc ông X phải trả cho Công ty số tiền 165.188.916 đồng. Trong giai đoạn thi hành án, do ông X không thực hiện việc trả nợ đúng quy định nên phải chịu lãi suất quá hạn là 188.742.383 đồng (tính đến ngày 02/6/2014). Công ty giao bị cáo thu tiền lãi quá hạn tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Lợi dụng việc Công ty không kiểm tra, đối chiếu, sau khi bị cáo thu tiền lãi do ông X nộp, bị cáo đã chiếm đoạt 11.640.000 đồng.

Bị cáo có đơn xin nghỉ việc, đến ngày 02/03/2015 Công ty đã cho bị cáo nghỉ việc. Do cần tiền chi xài, bị cáo đã nảy sinh ý định giả danh nhân viên Công ty để thu tiền nợ của khách hàng rồi chiếm đoạt. Cụ thể: Khoảng 9 giờ ngày 05/3/2015, theo định kỳ, bị cáo đến nhà ông Ngô Kim Đ, số 4/62 ấp A, xã V, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu để thu tiền nợ. Tưởng rằng bị cáo vẫn còn là nhân viên Công ty, ông Đ đã đưa cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo viết biên nhận như những lần trước. Với thủ đoạn tương tự, ngày 18/3/2015 và ngày 20/4/2015, bị cáo đến nhà bà Trần Thị N, ấp K, xã P, huyện Y, tỉnh Sóc Trăng thu tiền nợ. Bà N đã đưa cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng (mỗi ngày 1.000.000 đồng), nhưng không nộp về cho Công ty mà chiếm đoạt sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Tiêu Trung L (L) phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tiêu Trung L (L) 05 (năm) năm tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tiêu Trung L (L) 04 (bốn) tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chung bị cáo Tiêu Trung L (L) phải chấp hành là 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2017 bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Bị cáo được Công ty giao nhiệm vụ thu tiền nợ của khách hàng, nhưng sau khi thu được tiền bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền thu được, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ngoài ra bị cáo còn có hành vi lừa dối khách hàng để thu tiền nhưng không nộp về cho Công ty, cụ thể ngày 05/3/2015 bị cáo đã bị Công ty cho nghỉ việc nhưng bị cáo vẫn đến gặp khách hàng để thu tiền, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trong quá trình truy tố, xét xử cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của bị cáo và bị cáo có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo là có căn cứ. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt của cả hai tội, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin hủy án, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L.

Luật sư Sơn bào chữa cho bị cáo tranh luận: Giấy ủy quyền do ông Trung nộp tại phiên tòa sơ thẩm nhưng không được kiểm tra tính hợp lệ của giấy ủy quyền là vi phạm Điều 205 Bộ luật Tố tụng hình sự; các khoản nợ mà Công ty giao cho bị cáo đi đòi đều là các khoản nợ khó đòi (nợ xấu) nên không có căn cứ để xác định ý thức chiếm đoạt của bị cáo, vì không biết có đòi được không; Công ty cho bị cáo nghỉ việc từ ngày 02/3/2015 nhưng Công ty không tiến hành đối chiếu trách nhiệm và các nghĩa vụ của bị cáo với khách hàng mà bị cáo đi thu nợ để bị cáo có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, nên hành vi của bị cáo đã được chuyển hóa không cấu thành tội phạm hình sự.

Luật sư Luận bào chữa cho bị cáo tranh luận: Việc Công ty ủy quyền cho người đại diện không đúng, nên người đại diện theo ủy quyền không có quyền quyết định đến khoản chiết khấu 10% mà bị cáo thu được tiền nợ xấu, vì theo quy định của Công ty, nếu bị cáo thu được các khoản nợ xấu thì Công ty sẽ chỉ cho bị cáo 10% trên số tiền thu được, lẽ ra Viện kiểm sát phải trừ số tiền chiết khấu 10% trên số tiền bị cáo chiếm đoạt thì số tiền bị cáo chiếm đoạt sẽ thấp xuống và khi quyết định hình phạt cho bị cáo cũng nhẹ hơn. Do cấp sơ thẩm chưa làm rõ và

chưa trừ số tiền 10% mà Công ty trích lại cho bị cáo, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân L để điều tra, xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận của bị cáo, bị hại và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở xác định trong thời gian bị cáo được giao nhiệm vụ đi thu hồi nợ khách hàng, sau khi thu được tiền nợ của các khách hàng là ông Ngô Kim Đ, ông Sơn Kim H, bà Trần Thị N và ông Lại Văn X bị cáo không nộp đầy đủ cho Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty), tổng số tiền bị cáo thu được của các khách hàng nêu trên là 481.640.000đ nhưng chỉ nộp cho Công ty số tiền 171.000.000đ, số tiền còn lại 310.640.000đ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối như lập bảng đối chiếu không đúng số tiền thu của khách hàng để chiếm đoạt của Công ty. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty là 310.640.000đ được định khung tại điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không xét xử oan bị cáo.

[2] Đối với hành vi của bị cáo sau khi được Công ty cho nghỉ việc ngày 02/3/2015, nhưng đến ngày 05/3/2015 bị cáo vẫn đến gặp ông Đ để thu số tiền 5.000.000đ, mặc dù bị cáo không dùng lời nói gian dối để thu tiền các khách hàng, nhưng bị cáo là người biết đã được Công ty cho nghỉ việc, nhưng bị cáo đến gặp các khách hàng đúng ngày thu nợ thường kỳ làm cho các khách hàng vẫn trả tiền nợ Công ty cho bị cáo, sau khi thu tiền bị cáo không thông báo cho Công ty biết mà bị cáo giữ lại để tiêu xài cá nhân. Như vậy, bị cáo đã có hành vi, gian dối, không trung thực thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Công ty, hành vi này của cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không xét xử oan bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất lòng tin giữa khách hàng với Công ty, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tại thời điểm thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự do hành vi mình gây ra. Với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý

nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, bị cáo không đưa ra được chứng cứ để chứng minh những vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm các Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định cấp sơ thẩm vi phạm Điều 205 Bộ luật Tố tụng hình sự khi không xem xét đánh giá giấy ủy quyền do ông Nguyễn Minh T nộp tại phiên tòa sơ thẩm, tại thời điểm người đại diện theo pháp luật của Công ty ký giấy ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng không đúng pháp luật. Tuy nhiên, Luật sư không cung cấp được chứng cứ để chứng minh người đại diện theo pháp luật của Công ty ký giấy ủy quyền không đúng quy định pháp luật. Cũng theo Luật sư do việc ủy quyền không đúng nên người đại diện theo ủy quyền không có thẩm quyền để quyết định đối với 10% tiền thưởng cho bị cáo khi thu hồi được nợ khó đòi (nợ xấu) ảnh hưởng đến số tiền bị cáo chiếm đoạt mà Viện kiểm sát truy tố, ảnh hưởng đến việc định mức hình phạt đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân L để xét xử lại theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Luật sư, Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì tại thời điểm ký giấy ủy quyền ông Nguyễn Trọng H là người đại diện theo pháp luật của Công ty C, nên việc H ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T tham gia tố tụng là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đối với đề nghị của Luật sư yêu cầu trừ số tiền 10% tiền thưởng khi thu hồi được nợ khó đòi (nợ xấu) vào số tiền bị cáo chiếm đoạt trước khi truy tố để giảm số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty được hoàn thành khi bị cáo thu được tiền của khách hàng nhưng không nộp cho Công ty, cho nên trong trường hợp nếu Công ty có quy định trích 10% tiền thưởng cho bị cáo khi thu hồi được nợ khó đòi thì cũng không trừ và số tiền bị cáo chiếm đoạt được, vì nếu có quy định này thì chỉ khi bị cáo nộp cho Công ty tiền thu nợ được thì Công ty mới trích 10% tiền thưởng cho bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo không cung cấp được văn bản của Công ty quy định việc trích 10% khi thu hồi được nợ khó đòi (nợ xấu) cho bị cáo, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định Công ty không có quy định trích 10% cho người thu hồi được nợ khó đòi (nợ xấu). Do đó, Hội đồng không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của các Luật sư cũng như không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[7] Đối với hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo” khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót, vì bị cáo thu tiền của khách hàng Ngô Kim Đ nhiều lần mỗi lần số tiền thấp nhất 5.000.000đ cao nhất 20.000.000đ đều đủ định lượng để chịu trách

nhiệm hình sự và cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là chưa nghiêm, chưa đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Viện kiểm sát không kháng nghị thiếu sót này của cấp sơ thẩm, do giới hạn của việc xét xử và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để sửa phần này của án sơ thẩm mà cần kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét những thiếu sót của cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xđề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được ghi nhận để xem Xkhi nghị án.

[9] Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm của bị cáo Tiêu Trung L (L), giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Tiêu Trung L (L) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Tiêu Trung L (L) 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Tiêu Trung L (L) 04 (bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội mà bị cáo Tiêu Trung L (L) phải chấp hành là 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HSSST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L về trách nhiệm dân sự, lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và điều luật trong giai đoạn Thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án. Buộc bị cáo Tiêu Trung L (L) phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XXỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (01 bản);
- TAND L (02 bản);
- CQĐT L (01 bản);
- Chi cục THA L (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu(1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (mỗi người 01 bản);
- Nguyên đơn dân sự (01 bản);
- Luật sư (mỗi người 01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn